

Bản án số: 141/2025/DS-PT
Ngày: 28 - 3 - 2025
V/v “T/c Ranh giới giữa các bất động
sản liền kề và bồi thường thiệt hại
do tài sản bị xâm phạm”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bích Hải

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;
Ông Nguyễn Quyền .

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 538/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp ranh giới giữa các bất động sản liền kề và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2025/QĐ-PT ngày 25/2/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn:

1.1 Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1987; (có mặt)

1.2 Ông Nguyễn Phước L, sinh năm 1990; (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Số C ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1965; nơi cư trú: Số C ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho các nguyên đơn: Ông Võ Hồ Thế P, sinh năm 1977 là Luật sư thuộc Công ty L4; địa chỉ: A T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1969; (vắng mặt)

2.2 Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1954; (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền cho ông H: Ông Lê Anh L3, sinh năm 1988; địa chỉ: 2 đường V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Phước L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Bà Nguyễn Thị L1 có quyền sử dụng đất diện tích 284m², thuộc thửa 32, tờ bản đồ số 13, tại ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01279 cấp ngày 02/7/2008. Đến năm 2015, bà L1 tặng cho các con là Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Phước L phần đất trên. Bà Nguyễn Thị Thanh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02538 cấp ngày 05/8/2015, thửa đất 111, tờ bản đồ số 13, diện tích đất là 127m² đất CLN.

Ông Nguyễn Phước L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02539 cấp ngày 05/8/2015, thửa đất 32, tờ bản đồ số 13, diện tích 122m², loại đất CLN. Diện tích đất ban đầu của thửa 111 là 162 m² nhưng vào năm 2018, bà T chuyển nhượng một phần diện tích 35m² cho ông Nguyễn Hoàng H. Ông Nguyễn Hoàng H đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04560 ngày 11/11/2019. Ngoài ra, giáp ranh thửa 32, thửa 111 là thửa 31 theo sổ mục kê là ông Nguyễn Văn L2 đứng tên nhưng ông L2 đã chuyển nhượng sang cho ông H, hiện nay ông H đang là người sử dụng thửa đất này. Trong quá trình sử dụng đất thì bà T và ông L phát hiện ông H đã lấn ranh đất của ông bà cụ thể, như sau:

Ông Nguyễn Hoàng H đang sử dụng thửa 31 lấn sang thửa đất 111 của bà T với diện tích khoảng 2,0m² (chiều ngang 0.4m chiều dài 5m), đồng thời ông H đào móng và đổ bê tông lấn sang đất thửa 111 của bà T 02 vị trí móng, mỗi vị trí móng khoảng 40cm x 40cm. Hiện tại các vị trí móng này bị sụp lún gây nứt nền, hư gạch nên bà T dự kiến phải khắc phục lại những hư hỏng này gồm khắc phục sụt lún, nứt tường, gia cố nền nhà, lát lại gạch (bao gồm tiền công thợ, tiền vật liệu xây dựng như cát, đá, xi măng....). Dự kiến số tiền sửa chữa, khắc phục khoảng 90.000.000 đồng.

Ông L cũng phát hiện Nguyễn Hoàng H đang sử dụng phần diện tích đất thửa 31 lấn sang thửa đất 32 của ông L với diện tích khoảng 1,6m² (ngang khoảng 0,4m dài khoảng 1,6m), đồng thời ông H có đào móng và đổ bê tông lấn sang đất thửa 32 của ông L 01 vị trí móng khoảng 40cm x 40cm. Hiện tại các vị trí móng này bị sụp lún gây nứt nền, hư gạch nên ông L dự phải khắc phục lại những hư hỏng này gồm khắc phục sụt lún, nứt tường, gia cố nền nhà, lát lại gạch (bao gồm

tiền công thợ, tiền vật liệu xây dựng như cát, đá, xi măng....). Dự kiến số tiền sửa chữa, khắc phục khoảng 90.000.000 đồng.

Nguyên đơn thống nhất với bản trích đo địa chính số 127 ngày 19/02/2023 của Trung tâm K – Sở tài nguyên và môi trường thành phố C, không yêu cầu đo đạc lại. Nguyên đơn có nhận Đề cương giám định công trình của Sở xây dựng thành phố C nhưng không yêu cầu giám định nguyên nhân gây nứt, lún, sụp các hạng mục nhà ở theo đề cương đưa ra. Tại phần đất tranh chấp ở trên không hiện nay nguyên đơn đang để máng xối và có ống nước chảy xuống. Nay bà T và ông L có yêu cầu khởi kiện như sau:

1. Bà T yêu cầu ông Nguyễn Hoàng H và ông Nguyễn Văn L2 liên đới trả cho bà phần đất có diện tích khoảng 2,0m² (40cm x 5m) thuộc thửa đất 111, tờ bản đồ số 13, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 05/8/2015. Ông L yêu cầu ông Nguyễn Hoàng H và ông Nguyễn Văn L2 liên đới trả cho ông phần đất có diện tích khoảng 1,6m² (40cm x 4m) thuộc thửa đất 32, tờ bản đồ số 13, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 05/8/2015, tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ.

2. Bà T và ông L yêu cầu ông Nguyễn Hoàng H bồi thường cho bà T 90.000.000 đồng, bồi thường cho ông L 90.000.000 đồng là khoản tiền dự kiến khắc phục sụt lún, nứt tường, gia cố nền, lát lại gạch (bao gồm tiền công thợ, tiền vật liệu xây dựng như cát, đá, xi măng...).

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà T và ông L có đại diện là bà Nguyễn Thị L1 rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần ranh đất và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về phần bồi thường thiệt hại tài sản bị xâm phạm, cụ thể là bà T yêu cầu bồi thường 45.000.000 đồng, ông L là 45.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L2 trình bày: Thửa đất số 31 có diện tích khoảng 90m², nguồn gốc do ông bà để lại cho mẹ ông L2 là bà Nguyễn Thị B. Sau đó, bà B cho lại ông thửa đất này, đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông L2 là người đứng tên trên sổ mục kê 302. Do mẹ con ông không có nhu cầu sử dụng thửa đất 31 nên đã chuyển nhượng cho mẹ ông H là bà Lâm Thị T1 bằng giấy tay. Lần thứ nhất vào ngày 26/11/2007, chuyển nhượng chiều dài 8,5m và chiều ngang 6,5m với giá 8.000.000đồng. Lần thứ 2 ngày 16/02/2008, chuyển nhượng thêm chiều ngang 2,5m và chiều dài 9m với giá 3.000.000đồng. Hiện nay, ông H là người toàn quyền sử dụng và quản lý thửa 31, ông không tranh chấp gì với bà T, ông L và cũng không có ý kiến tranh chấp gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H trình bày: Ông H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không lấn ranh đất cũng như không có tác động gì làm cho nhà nguyên đơn bị sụt lún. Năm 2007 – 2008, mẹ ông là bà Lâm Thị T1 có nhận chuyển nhượng thửa đất 31 của bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn L2 chiều ngang khoảng 08 – 09m dài 09m giá 15.000.000đồng. Hai bên làm giấy mua bán tay, chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi mua đất, mẹ ông Hiệp T2 cho ông thửa đất 31, đến năm 2008 ông H xây nhà hết

diện tích đất đã mua và cho đến nay không sửa chữa gì. Thời điểm ông H xây nhà, bà L1 cũng biết và giữa các bên không phát sinh tranh chấp vì đất của gia đình bà L1 là đất trống, mấy năm sau bà L1 mới cất nhà. Khi ông H xây nhà đã có sẵn hàng rào lưới B40 ngăn cách 02 nhà. Nhà ông H xây trước thì không thể nào làm nhà bà L1 bị sụt lún. Năm 2018, nhà nước làm cầu T, thời điểm đó các hộ dân xung quanh đều bị sụt lún nhà. Nhà ông H và nhà bà L1 đều nhận được bồi thường. Vào năm 2022, khi mới phát sinh tranh chấp với bà L1, ông H có đào vị trí tại trụ bê tông tranh chấp để xác định ông có lấn sang nhà bà T, ông L không nhưng chưa kịp đào sâu thì bà L1 đã kêu chính quyền xuống. Chính quyền không cho đào nên ông H cũng ngưng luôn. Phần bê tông mà ông H lấp lộ không phải là phần bê tông mà ông H đào ở trụ cừ tranh chấp như bà L1 trình bày mà đó là phần bê tông nền nhà cũ của ông. Ông H phản tố yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp tại vị trí A có diện tích 1,2m² thuộc thửa 31, loại đất CLN là thuộc quyền sử dụng đất của ông H. Ông H thống nhất với bản trích đo địa chính số 127 ngày 19/02/2023 của Trung tâm K – Sở tài nguyên và môi trường thành phố C, không yêu cầu đo đạc lại. Tại phiên tòa ông H xin rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố.

Tại bản án sơ thẩm số 70/2024/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, đã tuyên xử như sau:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Phước L về việc yêu cầu Nguyễn Hoàng H và ông Nguyễn Văn L2 liên đới trả cho nguyên đơn phần đất có diện tích khoảng 2,0m² (40cm x 5m) thuộc thửa đất 111, tờ bản đồ số 13, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02538 do UBND huyện P cấp ngày 05/8/2015. Ông L yêu cầu ông Nguyễn Hoàng H và ông Nguyễn Văn L2 liên đới trả cho ông phần đất có diện tích khoảng 1,6m² (40cm x 4m) thuộc thửa đất 32, tờ bản đồ số 13, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02539 do UBND huyện P cấp ngày 05/8/2015. Địa chỉ đất tại ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hoàng H về việc yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp tại vị trí A trong bản trích đo địa chính số 127 ngày 19/02/2023 của Trung tâm K – Sở tài nguyên và môi trường thành phố C thuộc quyền sử dụng đất của ông.

(Kèm theo bản trích đo địa chính số 127 ngày 19/02/2023 của TTKT – Sở tài nguyên môi trường thành phố C).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Phước L về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Hoàng H bồi thường thiệt hại tài sản bị xâm phạm mỗi người là 45.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 13/10/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu Tòa cấp phúc

thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Phước L – Luật sư Võ Hồ Thế P trình bày: Thừa đất của nguyên đơn và bị đơn giáp ranh với nhau. Năm 2008, ông H xây dựng nhà ở giữa hai nhà đã có rào lưới B40. Năm 2009, nguyên đơn xây dựng nhà ở có xin tháo dỡ hàng rào, đóng cọc xây nhà sát nhà ông H thì phần đất giáp ranh phía sau là đất trống, bà L1 phát hiện ông H đặt móng xây nhà lấn sang đất bà L1. Việc ông H lấn không gian dưới lòng đất, bà L1 đã báo đến chính quyền địa phương. Ngày 01/4/2021, Ủy ban nhân dân phường có lập biên bản buộc ông H ngừng đào lấy đất, bê tông đổ đi. Khi Tòa án giải quyết, có yêu cầu ông H đào hố móng lên để khắc phục. Sau đó Tòa án đình chỉ vụ án nhưng bà L1 kháng cáo và Quyết định đình chỉ bị hủy để thụ lý giải quyết lại. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại do hành vi xây nhà lấn sang đất của nguyên đơn đến khi nguyên đơn xây nhà thì bị đơn đào đất, đập trụ móng nền là nguyên nhân gây thiệt hại cho nhà nguyên đơn. Theo báo giá của Công ty TNHH T3 chi phí khắc phục là 120.080.000 đồng nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu 90.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn. Nguyên đơn không sử dụng được nhà sau khi được cấp giấy chứng nhận ảnh hưởng rất nhiều đến quyền lợi nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị áp dụng lẽ công bằng sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn số tiền 90.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Phước L – bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, việc đập móng nhà ông H do Tòa án yêu cầu và có lập biên bản.

Người đại diện ủy quyền của ông H - ông L trình bày: Ông H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Nhận thấy, trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và qua diễn biến tại phiên tòa kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L1 thực hiện trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L2 được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L2.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trên cơ sở tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “tranh Ranh giới giữa các bất động sản liền kề và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là phù hợp theo quy định tại khoản 6, khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Phước L, xét thấy:

[3.1] Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu ông Nguyễn Hoàng H và ông Nguyễn Văn L2 liên đới trả cho bà phần đất có diện tích khoảng 2,0m² thuộc thửa đất 111, tờ bản đồ số 13; ông L yêu cầu ông Nguyễn Hoàng H và ông Nguyễn Văn L2 liên đới trả cho ông phần đất có diện tích khoảng 1,6m² thuộc thửa đất 32, tờ bản đồ số 13, cùng tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Bà T và ông L yêu cầu ông Nguyễn Hoàng H bồi thường cho bà T 90.000.000 đồng, bồi thường cho ông L 90.000.000 đồng là khoản tiền dự kiến khắc phục sụt lún, nứt tường, gia cố nền, lót lại gạch (bao gồm tiền công thợ, tiền vật liệu xây dựng như cát, đá, xi măng....).

Ông Nguyễn Hoàng H phản tố yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp tại vị trí A có diện tích 1,2m² thuộc thửa 31, loại đất CLN là thuộc quyền sử dụng đất của ông H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện tranh chấp ranh đất với ông H, ông L2; bị đơn ông Nguyễn Hoàng H rút yêu cầu phản tố công nhận vị trí A theo bản trích đo địa chính số 127 ngày 19/02/2023, cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ.

[3.2] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Phước L, bà Nguyễn Thị Thanh T về việc buộc ông Nguyễn Hoàng H bồi thường cho bà T và ông L tiền khắc phục sụt lún, nứt tường, gia cố nền nhà, lót lại gạch. Tại tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông H bồi thường cho nguyên đơn mỗi người số tiền 45.000.000 đồng nhưng không được cấp sơ thẩm chấp nhận. Nay nguyên đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn. Nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định Trung cầu giám định số 07/2023 ngày 15/8/2023 của Trung tâm Quản lý Nhà ở và Chất lượng công trình xây dựng; thực hiện giám định nguyên nhân gây nứt,

lún, sụp các hạng mục nhà ở của bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Phước L và chi phí khắc phục, sửa chữa những hư hỏng. Tòa án đã tổng đạt Đề cương giám định công trình cho nguyên đơn nhưng tại biên bản hòa giải ngày 05/9/2024, nguyên đơn không yêu cầu Giám định nguyên nhân gây nứt, lún, sụp các hạng mục nhà ở theo đề cương đưa ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân nhà nguyên đơn bị sụp lún, nứt tường, hư nền là do bị đơn đào lấy móng nhà bị đơn và đào lấy đất dưới nền nhà nguyên đơn. Tuy nhiên, đây chỉ là lời trình bày một phía của nguyên đơn, chưa có kết luận của cơ quan chuyên năng xác định nguyên nhân nhà của nguyên đơn bị thiệt hại là do hành vi của bị đơn gây ra. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và cho rằng nhà nguyên đơn bị thiệt hại là do ảnh hưởng bởi dự án xây dựng cầu T gây ra, không phải do nhà bị đơn xây dựng. Nhận thấy, nhà nguyên đơn xây dựng sau nhà bị đơn, kết cấu là nhà cấp 4 không kiên cố, không gia cố đóng cọc cừ tràm và đổ trụ móng bê tông âm xuống lòng đất, chỉ bó nền bằng đà kiên sắt đổ bê tông. Đồng thời, nhà của nguyên đơn đã từng bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng cầu T gây nứt đà, tường mặt tiền nhà trước và đã được nhận tiền bồi thường nên lời trình bày của nguyên đơn là không có cơ sở thuyết phục. Do vậy, nguyên đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh nguyên nhân thiệt hại nhà của nguyên đơn là do hành vi của bị đơn gây ra như lời trình bày của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm thì không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Quan điểm của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải nộp tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Phước L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Phước L về việc yêu cầu Nguyễn Hoàng H và ông Nguyễn Văn L2 liên

đổi trả cho nguyên đơn phần đất có diện tích khoảng 2,0m² (40cm x 5m) thuộc thửa đất 111, tờ bản đồ số 13, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02538 do UBND huyện P cấp ngày 05/8/2015. Ông L yêu cầu ông Nguyễn Hoàng H và ông Nguyễn Văn L2 liên đổi trả cho ông phần đất có diện tích khoảng 1,6m² (40cm x 4m) thuộc thửa đất 32, tờ bản đồ số 13, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02539 do UBND huyện P cấp ngày 05/8/2015. Địa chỉ đất tại ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hoàng H về việc yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp tại vị trí A trong bản trích đo địa chính số 127 ngày 19/02/2023 của Trung tâm K – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C thuộc quyền sử dụng đất của ông.

(Kèm theo bản trích đo địa chính số 127 ngày 19/02/2023 của TTKT – Sở tài nguyên môi trường thành phố C).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Phước L về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Hoàng H bồi thường thiệt hại tài sản bị xâm phạm cho mỗi người là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

4. Về chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá số tiền là 5.487.000 đồng (năm triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng) nguyên đơn phải chịu. Nguyên đơn đã nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nên được nhận lại 4.513.000 đồng (bốn triệu năm trăm mười ba nghìn đồng) tại Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

5. Về án phí dân sự:

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Phước L và bà Nguyễn Thị Thanh T mỗi người phải chịu 2.250.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 017921 ngày 05/3/2021, 0007763 ngày 17/02/2023, 0007762 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, bà T còn phải nộp thêm 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), ông L phải nộp thêm 1.950.000 đồng (một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Ông H được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 000169 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

5.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Phước L, mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0006546, 0006547 cùng ngày 14/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND huyện Phong Điền;
- Chi cục THADS huyện Phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bích Hải